

NGHIÊN CỨU MỘT SỐ BIẾN ĐỔI CỦA NỮ PHỤC MÔNG (NGÀNH MÔNG ĐEN) TẠI BẢN TÀ XÙA A, XÃ TÀ XÙA, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA

Nguyễn Thị Huyền

Trường Đại học Tây Bắc

Tóm tắt: Trải qua quá trình phát triển, dân tộc Mông đã tạo nên một nền văn hoá độc đáo mang đậm bản sắc tộc người. Qua nhiều thế hệ, văn hoá Mông vẫn được gìn giữ và phát huy, trong đó có trang phục. Trong bài viết này, chúng tôi tập trung phân tích về một số biến đổi của nữ phục Mông (ngành Mông Đen) tại bản Tà Xùa A, xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La cụ thể trên các mặt nguyên liệu may mặc, kiểu dáng và cách sử dụng trang phục hiện nay. Trên cơ sở làm rõ nguyên nhân của sự biến đổi, đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần bảo tồn và phát triển trang phục dân tộc Mông trước xu hướng hội nhập hoá, đô thị hoá đang diễn ra sâu rộng trong những năm gần đây.

Từ khoá: Dân tộc Mông; trang phục phụ nữ Mông; biến đổi văn hoá, Tà Xùa, Bắc Yên.

1. Mở đầu

Để phân biệt các tộc người với nhau, người ta thường căn cứ vào đặc trưng văn hóa của tộc người đó. Bên cạnh các đặc trưng về ngôn ngữ, phong tục tập quán, trang phục chính là một thành tố văn hóa quan trọng giúp chúng ta dễ dàng nhận diện các tộc người và các nhóm ngành trong cùng tộc người với nhau. Trang phục Mông nói chung và nữ phục Mông nói riêng đã góp phần dựng xây một nền văn hoá Mông mang đậm bản sắc tộc người không dễ bị hoà lẫn, pha trộn dù ở bất kì nơi đâu.

Tà Xùa A là bản tập trung dân số đông nhất xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên (Sơn La). Tính đến tháng 8/2017, bản có tổng số 106 hộ, 648 nhân khẩu. Trong đó, dân tộc Mông chiếm 99% (chủ yếu là ngành Mông Đen với các dòng họ lớn Mùa, Thào, Phàng...). Dân tộc Kinh chiếm 1%. Về cơ bản, người Mông nơi đây chủ yếu vẫn lao động và sinh hoạt theo lối tự cấp tự túc, với kinh tế nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo, đời sống còn nhiều khó khăn. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do ảnh hưởng của đô thị hoá và công nghiệp hoá cùng với việc giao thương giữa bản với các vùng miền lân cận ngày càng phát triển, nhiều phong tục tập quán, lối sống truyền thống của đồng bào đã bắt đầu có sự biến đổi mạnh mẽ, trong đó có yếu tố về trang phục.

Trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 10/2017, chúng tôi đã tiến hành 2 đợt điền dã tại địa bàn xã Tà Xùa huyện Bắc Yên (Sơn La). Đợt 1 từ ngày 3 - 6/5 và đợt 2 từ ngày 26 -31/10/2017. Chúng tôi thực hiện các đợt khảo sát dựa trên cơ sở kết hợp giữa quan sát xã hội học; tham dự trực tiếp, phỏng vấn sâu người dân và các cán bộ Ủy ban nhân dân xã Tà Xùa; thu thập các báo cáo,... nhằm tìm hiểu về nữ phục truyền thống của đồng bào Mông thông qua phỏng vấn hồi cố, đồng thời làm rõ những biến đổi của nữ phục dưới tác động của các nguyên nhân chủ quan và khách quan trong giai đoạn hiện nay. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm bảo lưu và phát triển nữ phục dân tộc Mông trước xu thế biến đổi và hội nhập.

2. Nội dung

2.1. Nữ phục truyền thống của người Mông đen bản Tà Xùa A, xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên

Nữ phục truyền thống của phụ nữ Mông Đen bản Tà Xùa A về cơ bản vẫn bao gồm các bộ phận: áo, váy, tạp dề, xà cạp... và một số trang sức kèm theo như nhẫn, vòng tay, hoa tai, vòng cổ. Quy trình để tạo ra một bộ nữ phục hoàn chỉnh yêu cầu người phụ nữ phải thực hiện tất cả các khâu từ làm đất trồng lanh, xe lanh, dệt vải, nhuộm vải, khâu thành váy áo. Các bé gái người Mông từ 7,8 tuổi đã bắt đầu tự học cách thêu thùa. Vì thế, với phụ nữ Mông nói chung

và phụ nữ Mông Đen bản Tà Xùa A nói riêng khi lớn lên không ai là không biết làm lanh, dệt vải, thêu thùa.

“Lớn lên anh theo cha đi cày nương

Theo anh đi vào rừng săn thú

Lớn lên em theo mẹ tập thêu

Theo chị nhuộm chàm, in hoa trên váy mới”
[5, 141]

2.1.1. Nguyên liệu và cách thức tạo ra vải lanh

Nguyên liệu đặc trưng được sử dụng trong may mặc của người Mông là vải lanh. Do điều kiện kinh tế khó khăn, đặc biệt người Mông sống khép kín, ít giao thương với bên ngoài, do vậy trồng lanh là công việc thường xuyên và bắt buộc nhằm đảm bảo cho nhu cầu may mặc của đồng bào. Người Mông cư trú ở những địa vực núi cao, thời tiết, khí hậu khác nhau vì thế thời vụ trồng và thu hoạch lanh của đồng bào Mông không đồng nhất. Với người Mông bản Tà Xùa A, sau thời gian chơi tết, từ tháng 2 trở đi đồng bào bắt đầu thực hiện những công việc đầu tiên cho vụ lanh mới như đốt nương, làm đất, bón phân... Theo kinh nghiệm, người dân bản Tà Xùa A thường chọn những nương lanh xa nhà, đất đai màu mỡ, tơi xốp, bằng phẳng,... như vậy, sẽ cho năng suất lanh cao nhất. Sau một tháng khi đã cày ải và cho đất nghỉ ngơi, sang tháng 3 đồng bào bắt đầu gieo hạt lanh.

Lanh là giống cây khá dễ trồng do đó sau khi gieo hạt họ để lanh mọc tự nhiên và tập trung gieo trồng, chăm sóc những cây trồng khác như ngô, lúa, hái và sao chè... Sau thời gian khoảng 3 tháng, khi này vỏ lanh đã dày và có độ bóng tức là lúc đó lanh đã cho thu hoạch.

Lanh sau khi đã thu về nhà, người ta bắt đầu tiến hành phơi. Phơi lanh là công việc khá vất vả. Lanh phải phơi khi trời nắng, không được để dính nước mưa và phải phơi liên tục cho đến khi cây lanh se lại và chuyển màu vàng mới đạt chuẩn nên mỗi hộ thường cắt cử riêng 1 thành viên trong gia đình phụ trách công việc này.

Lanh sau khi đã phơi xong được đưa vào nhà để chỗ thông thoáng và đặc biệt không được để nước dính vào, khi có thời gian sẽ bắt đầu tước

sợi. Tước sợi lanh là công việc tốn rất nhiều thời gian nên mỗi khi rảnh rỗi, các thành viên trong gia đình thường đem lanh ra tước. Phụ nữ Mông trên đường đi nương, xuống chợ, đi hội,... trên tay bao giờ cũng có sẵn bó lanh để tước, trẻ em đi chăn bò dê cũng tranh thủ giúp mẹ tước sợi lanh, nam giới người Mông khi nông nhàn cũng sẵn sàng giúp đỡ vợ con công việc này. Khi lanh đã được tước thành những sợi nhỏ, người ta sẽ phải nối chúng lại với nhau. Công việc này đòi hỏi phải nhẹ nhàng, khéo léo và kiên trì để làm sao người khác nhìn vào không phát hiện được chỗ nối, vì vậy nối sợi thường là công việc do phụ nữ đảm nhiệm. Các công việc tiếp theo trong quá trình gia công nguyên liệu là xe sợi nhằm giúp cho sợi lanh trở nên mềm, mịn và đều sợi hơn. Sau đó, người ta tiến hành guồng sợi (quay sợi) lại. Đặc biệt, trước khi dệt vải, người Mông còn phải đem sợi đi tẩy trắng. Công đoạn này có tác dụng làm cho sợi lanh trắng bóng, dai và mềm mịn hơn để quá trình dệt vải có thể thông suốt.

Sau khi đã chuẩn bị xong nguyên liệu, phụ nữ Mông bắt đầu dệt vải. “*Công cụ dệt của người HMông kích thước hình dáng không cố định, tùy theo điều kiện, hoàn cảnh của mỗi gia đình mà công cụ dệt có hình dáng, kích thước to nhỏ khác nhau*” [2, tr.23]. Thông thường, vải dệt của người Mông bản Tà Xùa A thường có khổ rộng từ 30cm đến 40cm, chiều dài thường từ 6m đến 7m đủ để làm hoàn chỉnh một chiếc váy. Công việc dệt vải được chị em phụ nữ người Mông thực hiện quanh năm nhằm phục vụ nhu cầu trang phục của tất cả các thành viên trong gia đình. Tuy nhiên công việc này thường được thực hiện tranh thủ khi công việc trên nương đã tạm ổn hoặc những ngày mưa gió rét mướt ở nhà. Dệt vải “*ngoài ý nghĩa kinh tế, việc làm này còn có ý nghĩa xã hội. Khéo tay, chăm chỉ dệt vải là một trong những tiêu chuẩn đánh giá tài năng, đạo đức của người phụ nữ, nhất là chị em ở tuổi xây dựng gia đình*” [2, tr.24].

Vải sau khi dệt xong sẽ được đem đi nhuộm. Nguyên liệu nhuộm vải của người Mông là cây chàm. Cũng giống như lanh, cây chàm là loại cây quen thuộc và có tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống của người Mông. Cây chàm là

loại nguyên liệu duy nhất được người Mông nơi đây sử dụng để tạo thành “thuốc nhuộm” vải. Chàm là loại cây thân cỏ, mọc dại trên rừng nên khi cần nguyên liệu làm thuốc nhuộm, đồng bào thường vào rừng hái. Dần dần để thuận tiện và đỡ mất thời gian tìm kiếm khi cần thiết, đồng bào Mông đã lấy giống cây về trồng trong vườn nhà. Trong quá trình nhuộm vải, cả người nam và người nữ trong gia đình đều có thể tham gia thực hiện, song người Mông cũng có những kiêng kỵ nhất định. Họ quan niệm, khi nhuộm vải phụ nữ đang mang thai không được đến gần thùng nước nhuộm cũng như không được tham gia vào quá trình nhuộm chàm, nếu không vải sẽ bị hỏng. Nhuộm vải là công việc vất vả và cần tính liên tục.

Đến đây công việc làm vải đã hoàn thành, người phụ nữ sẽ bắt đầu một quy trình mới thể hiện rõ sự khéo léo và tài hoa của mỗi cá nhân là thêu họa tiết trang trí và cắt may váy áo.

2.1.2. Kiểu dáng

Có thể nhận thấy, nếu giai đoạn chuẩn bị nguyên liệu (từ làm lạnh đến dệt vải, nhuộm vải) là sự phối hợp lao động của tất cả các thành viên trong gia đình thì bắt đầu từ giai đoạn thêu thùa cho đến khi may hoàn chỉnh một bộ trang phục đầy lại là công việc của riêng người phụ nữ.

Theo kết quả điền dã chúng tôi thu thập được, xưa kia, kỹ thuật trang trí trên vải của người Mông bản Tà Xùa A bao gồm 2 kiểu kỹ thuật cơ bản là kỹ thuật thêu và kỹ thuật ghép vải. Cả hai kỹ thuật này được áp dụng nhuần nhuyễn và bổ sung cho nhau để tạo thành một bộ trang phục đặc sắc, trong đó kỹ thuật thêu được áp dụng phổ biến hơn. Khác với trang phục của phụ nữ các ngành Mông khác (Mông Hoa, Mông Đỏ, Mông Xanh), trang phục của phụ nữ Mông Đen có đặc trưng với màu vải chàm đen truyền thống. Trên nền vải chàm, bằng đôi bàn tay khéo léo và óc sáng tạo người phụ nữ Mông đã tạo ra những họa tiết trang trí rất đa dạng và phong phú với hình núi, hình chân gà, cây cỏ... Điểm đặc biệt ở đây là người phụ nữ không cần vẽ mô phỏng họa tiết hoa văn lên nền vải trước khi thêu mà dường như những họa tiết đó đã

được định hình sẵn trong óc người làm và họ chỉ cần căn chỉnh sao cho đường kim mũi chỉ thẳng đường, thẳng lối khi thêu là được. Váy của phụ nữ Mông là loại váy xếp nếp nên thông thường một chiếc váy của người phụ nữ trưởng thành được làm với chiều rộng khoảng từ 3,5 đến 4 sải tay, chiều dài đến đầu gối người mặc. Áo của người Mông bản Tà Xùa A không phân biệt áo nam, áo nữ. Có chăng sự khác biệt chỉ thể hiện ở kích thước của áo. Áo nam thường to và rộng hơn áo của phụ nữ. Khác với trang trí váy, trên áo người ta chỉ tập trung trang trí phần cổ và tay áo. Thân áo thường được để nguyên phần vải lanh đã được nhuộm chàm mà không trang trí.

Công việc làm trang phục cho các thành viên trong gia đình hoàn toàn do người phụ nữ đảm nhiệm, bởi vậy trong một năm mỗi người thường được may từ 1 đến 2 bộ quần áo mới. Tùy thuộc vào số lượng các thành viên trong gia đình và sự chăm chỉ của người phụ nữ mà số quần áo mới được tạo ra có thể tăng hay giảm. Cũng chính vì thế, việc làm ra trang phục đã trở thành thước đo giá trị của người phụ nữ Mông dù ở bất kì thời đại nào.

“Gái đẹp không biết làm lanh cũng xấu

Gái xinh chưa biết cầm kim là hư” [5,141]

2.2. Những biến đổi của nữ phục Mông bản Tà Xùa A hiện nay

Ngày nay, dưới tác động của sự phát triển kinh tế - xã hội, đời sống của đồng bào Mông bản Tà Xùa A đã có những chuyển biến rõ rệt. Nhiều phong tục tập quán, thói quen, lề lối cũ của đồng bào đang dần phai nhạt và đứng trước nguy cơ biến mất. Nhưng với người phụ nữ Mông Đen, thêu thùa, làm váy áo vẫn là công việc thường xuyên, liên tục và có tính kế thừa. Công việc này vẫn được người phụ nữ kiên trì thực hiện và truyền thụ cho con cháu những tinh hoa của dân tộc qua từng đường kim, mũi chỉ nhằm góp phần xây dựng và gìn giữ nền văn hóa Mông mang đậm bản sắc tộc người. Tuy nhiên, để hòa nhập với sự phát triển của thời đại mới, công việc thêu thùa làm trang phục của chị em phụ nữ Mông bản Tà Xùa A trong khoảng 3 thập kỷ trở lại đây cũng dần có những biến đổi nhất định. Sự biến đổi đó ngày càng trở nên phổ

biển và được đồng bào chấp nhận, coi đó là lẽ tất nhiên của sự phát triển.

2.2.1. Nguyên liệu

Xưa kia, “*cây lanh và các sản phẩm từ lanh không chỉ đáp ứng như cầu may mặc và các nhu cầu thiết yếu trong đời sống vật chất mà nó còn đóng vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của họ. Hầu hết các phong tục, tập quán, lễ hội của người Mông đều có mặt của cây lanh hoặc các sản phẩm từ lanh. Bởi vậy, cây lanh và các vật dụng từ lanh trở thành biểu tượng biểu trưng bản sắc văn hóa Hmông*” [3, tr.11]. Tuy nhiên, hiện nay vải lanh đã được thay thế bằng vải sợi công nghiệp. Vải lanh dần biến mất trong đời sống thường nhật của bà con dân bản. Giờ đây, chỉ vải lanh còn được sử dụng trong tang ma bởi “*người Mông quan niệm người chết phải mặc trang phục bằng vải lanh thì sang thế giới bên kia ông bà mới nhận ra con cháu. Nếu không có trang phục bằng vải lanh mặc cho người quá cố thì phần hồn của họ không gặp được tổ tiên, không gặp được siêu thoát, không về phù hộ gia đình, thậm chí còn làm hại mọi người trong gia đình, làng bản*” [3, tr.50]. Từ giữa những năm 2000 trở lại đây, diện tích đất trồng lanh của bà con bản Tà Xùa A sụt giảm nghiêm trọng. Nếu trước kia mỗi hộ gia đình đều phải dành khoảng 1/3 tổng diện tích đất canh tác để trồng lanh lấy nguyên liệu may mặc thì nay diện tích đó chỉ còn chiếm một phần rất nhỏ thậm chí nhiều hộ đã không còn trồng lanh và dệt vải từ lâu. Theo điều tra điền dã chúng tôi thu được, trong khoảng 3,4 năm trở lại đây hầu như người dân trong bản không còn làm lanh nữa. Vụ mùa năm 2016, trong tổng số 106 hộ gia đình trong bản hiện chỉ còn 2 hộ (1 hộ họ Mùa, 1 hộ họ Thào) còn làm lanh tuy nhiên diện tích không đáng kể. Khi được hỏi về mục đích trồng lanh, cả 2 hộ đều khẳng định làm lanh chỉ để phục vụ cho ông bà già khi khuất núi về với tổ tiên. Như vậy có thể thấy, trong đồng bào Mông Tà Xùa A, vải lanh giờ đây chỉ còn giá trị về mặt tâm linh.

Hiện nay, khi làm trang phục, người ta thường sử dụng vải sợi công nghiệp. Loại vải này có thể dễ dàng mua được dưới chợ thị trấn Bắc Yên, các cửa hàng buôn bán vải tại thành phố Sơn La, ngoài ra mỗi tuần một lần sẽ có

xe tải chở đồ như vải, chỉ thêu, đồ trang trí váy áo, đồ trang sức... lên tận trung tâm xã để bán phục vụ những bà con không có điều kiện đi chợ huyện. Giá của loại vải này tương đối thấp, tùy khổ dài rộng của mỗi loại mà có giá khác nhau dao động từ 30 đến 70 nghìn đồng.

Cùng với sự thu hẹp của diện tích đất trồng lanh, bộ công cụ dệt vải của người Mông bản Tà Xùa A cũng dần biến mất. Trước kia mỗi hộ gia đình phải có ít nhất 1 bộ khung dệt thì nay khi đến với bản Mông, phần lớn các bộ khung dệt vải đều không còn thấy xuất hiện với nhiều lí do. Phần lớn các hộ gia đình không dệt vải nữa nên khung dệt cũng bị phá dỡ, cũng có hộ tuy còn làm lanh nhưng khung dệt cũng không thấy xuất hiện với lí do cho “*họ hàng mượn đưa đi trưng bày nhưng không thấy đưa trả lại*”...

Các loại chỉ thêu cũng rất phong phú về màu sắc. Hiện nay, chị em phụ nữ trong bản thường sử dụng len làm chỉ thêu với các màu sắc như vàng, đỏ, xanh, đen,... từ đó tạo nên những chiếc váy Mông sặc sỡ sắc màu. Cũng chính vì thế, nếu trước kia chúng ta có thể nhận diện các nhóm, ngành Mông qua trang phục thì nay, trang phục của các ngành Mông Đen, Mông Hoa và Mông Trắng đều có những nét giống nhau về chất liệu vải, chỉ thêu và thậm chí cùng cách trang trí vì thế dấu hiệu nhận diện các nhóm, ngành qua trang phục hiện nay không còn được rõ nét như xưa.

2.2.2. Kiểu dáng

Hiện nay, phụ nữ Mông bản Tà Xùa A thường sử dụng phổ biến 2 loại váy.

Một loại là váy được may và bán sẵn dưới chợ trung tâm hoặc các cửa hàng tạp hóa dưới huyện. Đây là loại váy được sản xuất theo dây chuyền công nghiệp, sản xuất hàng loạt. Hoặc các thợ may dưới huyện mua vải về may bán. Loại váy này có đặc điểm nhẹ, màu sắc bắt mắt, cạp chun khi mặc khá thoải mái, đặc biệt không cần phải thêu thùa, may vá mất thời gian, giá cả lại rất phải chăng so với công sức để làm ra một chiếc váy truyền thống. Thông thường loại váy này có giá từ 100 đến 150 nghìn đồng.

Loại váy thứ 2 là loại bà con mua vải về tự thêu họa tiết mình thích sau đó may thành váy

áo. Váy loại này thường giá thành mua vải và chỉ thêu chỉ khoảng 100 nghìn đồng nhưng thời gian dành cho việc thêu họa tiết và may thành váy áo hoàn chỉnh mất khá nhiều thời gian. Bởi thế, trong một năm nếu chăm chỉ các chị em cũng chỉ làm được từ 4 đến 6 chiếc váy, nếu làm cả áo thì được khoảng 2,3 bộ. Ưu điểm của loại váy này là ấm vào mùa đông, mát vào mùa hè, có thể trang trí các họa tiết theo sở thích của từng người...

Từ giữa thập niên 90, phụ nữ Mông bản Tà Xùa A đã bắt đầu biết sử dụng máy khâu vào việc may trang phục. Việc sử dụng máy khâu đã giúp chị em phụ nữ giảm được rất nhiều thời gian và công sức trong quá trình làm trang phục, đồng thời năng suất làm váy áo cũng tăng lên, đường may đều, thẳng đẹp hơn. Hiện nay, mỗi hộ người Mông trong bản đều có từ 1 đến 2 chiếc máy khâu, tương đương mỗi người phụ nữ sẽ có 1 chiếc máy khâu phục vụ cho việc làm trang phục cho chồng con, anh em trong gia đình. Máy khâu chủ yếu được mua tại thành phố Sơn La hoặc Nghĩa Lộ (Yên Bái) với giá từ 4 đến 5 triệu đồng.

Áo Mông hiện nay vẫn được làm và sử dụng nhưng không phổ biến như váy. Áo thường được làm với độ dài ngang ngực. Nếu là áo mùa đông sẽ được may thêm một lớp vải bông phía trong giúp người mặc ấm áp hơn. Nếu là áo sử dụng mùa hè thì thường chỉ may 1 lớp. Áo được trang trí phần tay và phần cổ áo.

Các họa tiết trang trí hiện nay đa phần được mô phỏng lại từ các họa tiết được nhìn thấy trên váy áo hoặc trên nền vải công nghiệp mà người phụ nữ cảm thấy ưng ý. Họa tiết được làm theo sở thích không theo khuôn mẫu nhất định.

2.2.3. Cách thức sử dụng

Hiện nay, váy vẫn được phụ nữ sử dụng phổ biến trong đời sống. Họ sử dụng linh hoạt cả 2 loại váy nêu trên, tuy nhiên váy may sẵn thường được chị em phụ nữ dưới 30 tuổi ưa thích sử dụng còn phụ nữ trung niên chủ yếu vẫn sử dụng loại váy thêu tay là chính.

Phụ nữ Mông bản Tà Xùa A thường kết hợp mặc giữa váy Mông cùng áo sơ mi có cổ

hoặc áo phong - kiểu áo người Kinh vẫn mặc. Áo Mông thường chỉ được phụ nữ trung niên sử dụng nhưng không thường xuyên. Đối với thanh niên trong bản, áo Mông chỉ được họ mặc vào những dịp lễ hội, ngày tết còn ngày thường họ chuyển sang mặc áo sơ mi cho tiện lợi.

Có thể nhận thấy, trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và giao lưu tiếp biến văn hóa mạnh mẽ như hiện nay, biến đổi về trang phục là điều dễ hiểu. Trước kia để làm ra một chiếc váy hoặc chiếc áo, người phụ nữ Mông phải tốn rất nhiều thời gian và công sức từ làm đất, gieo hạt, trồng và chăm sóc, thu hoạch lanh sau đó là hàng loạt các quy trình chế biến sợi và dệt để tạo thành vải. Tiếp đó người phụ nữ phải dành vài tháng để thêu họa tiết trang trí và khâu vá thành một bộ trang phục hoàn chỉnh. Trong khi ngày nay, với sự giao thương mạnh mẽ chỉ cần đến chợ huyện hoặc các cửa hàng tạp hóa tại thị trấn, người ta đã có thể dễ dàng mua được một tấm vải hoặc một chiếc váy áo ưng ý với giá thành rẻ hơn rất nhiều lần so với cách làm ra trang phục truyền thống. Sự tiện ích này, một mặt giúp người phụ nữ Mông giải phóng sức lao động, giúp họ có được nhiều thời gian rảnh rỗi hơn cho bản thân, gia đình và có điều kiện để tham gia các hoạt động cộng đồng khác. Mặt khác hệ quả của sự tiện ích này chính là sự biến mất của vải lanh trong cuộc sống hàng ngày của đồng bào. Điều này đồng nghĩa với việc biến mất của một giá trị văn hóa truyền thống đặc trưng của tộc người. Do đó, việc bảo lưu nghề trồng lanh dệt vải của đồng bào Mông là một việc làm cần thiết. Tuy nhiên, bảo lưu cần được hiểu theo nghĩa tích cực, không phải là khuyến khích người dân quay lại với công việc trồng lanh dệt vải trước kia mà cần phải có chính sách gắn với hình thành, phát triển làng nghề thủ công và phục vụ phát triển du lịch cộng đồng. Cùng với đó, khi xu hướng “Kinh hóa trang phục” ngày càng mạnh mẽ thì yêu cầu bảo lưu và gìn giữ trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số ngày càng đặt ra bức thiết. Các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương cần có những biện pháp cụ thể nhằm nâng cao tinh thần tự tôn dân tộc của người dân, giúp họ hiểu được trang phục truyền thống của đồng bào

mình là kết tinh của tinh hoa văn hóa dân tộc qua hàng nghìn năm và được cha ông gìn giữ, phát triển. Do đó, sử dụng trang phục của dân tộc không phải là lạc hậu, cổ hủ, không thích nghi với nhịp sống hiện đại mà đó chính là biểu hiện của sự trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống tộc người.

2.3. Nguyên nhân biến đổi

2.3.1. Sự phát triển kinh tế - xã hội

Kinh tế - xã hội ngày càng phát triển có tác động mạnh mẽ đến lối sống của bà con.

Thứ nhất: Trong khoảng 20, 30 năm trở lại đây, các tiểu thương người Kinh, người Thái,... bắt đầu qua lại buôn bán, trao đổi hàng hóa với bà con dân bản. Bởi vậy, nhận thức của đồng bào cũng có sự thay đổi, nguồn nguyên liệu sử dụng trong may mặc không chỉ còn hạn chế bằng vải lanh. Đặc biệt, khi ngành công nghiệp dệt may phát triển, vải sợi công nghiệp với giá thành thấp lại được vận chuyển đến tận bản, xã phục vụ nhu cầu may mặc của bà con. Trong khi, công việc làm lanh tốn rất nhiều thời gian và công sức, vấy lanh rất nặng và khi mặc còn bị phai màu gây nên sự khó chịu của người mặc. Bởi vậy, người Mông đặc biệt là thế hệ trẻ hiện nay không thích sử dụng các sản phẩm vải dệt từ cây lanh. Thay vào đó, họ chuyển sang sử dụng vải sợi công nghiệp vừa nhẹ, tiện dụng, giá cả không quá cao và có thể làm ra những trang phục với màu sắc, họa tiết ưa thích.

Thứ hai: Kinh tế - xã hội phát triển dần dần đến sự biến đổi của cơ cấu kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Người dân bản Mông hiện nay không chỉ còn quanh quẩn bên những thửa ruộng bậc thang để trồng lúa ngô, trồng chè, hay trồng lanh lấy sợi dệt vải,... mà đồng bào còn có thêm những cơ hội mưu sinh mới như phát triển kinh tế lâm nghiệp (trồng và khai thác tài nguyên rừng theo chủ trương giao đất giao rừng của nhà nước), các hoạt động dịch vụ (buôn bán hàng ăn, nghỉ trọ...) cũng bắt đầu được triển khai và mang lại nguồn thu nhập cho người dân... Sự biến đổi trong cơ cấu kinh tế đã khiến cho đồng bào Mông nói chung và người phụ nữ Mông nói riêng không còn nhiều thời gian rảnh rỗi để làm trang phục như trước kia, thay vào đó họ sẽ

phải dành nhiều thời gian hơn cho việc sản xuất và phát triển kinh tế nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống gia đình. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi của trang phục Mông truyền thống trong những năm gần đây.

2.3.2. Quan điểm nhận thức

Cùng với quá trình trao đổi, buôn bán hàng hoá, giao lưu văn hoá giữa người Mông với các dân tộc, các địa phương cũng được đẩy mạnh. Người Kinh, người Thái khi đến bản Tà Xùa A làm ăn và sinh sống, cùng với việc tiếp thu các yếu tố văn hoá của đồng bào nơi đây ngược lại lối sống, phong tục tập quán cũng có tác động ngược lại người dân bản địa. Từ đó, sự giao thoa văn hoá giữa các dân tộc diễn ra, trong đó phải kể đến vấn đề trang phục.

Khoảng chục năm nay, đồng bào Mông bản Tà Xùa A đã bắt đầu cho con em của họ xuống thị trấn Bắc Yên, thành phố Sơn La, Hà Nội và nhiều tỉnh thành khác học tập và làm việc. Số lượng này đang tăng dần theo từng năm. Những người này sau khi thay đổi hoàn cảnh sống, họ có cơ hội tiếp thu các yếu tố văn hoá mới, học tập lối sống, cách ăn mặc, giao tiếp của các dân tộc khác, đặc biệt là người Kinh. Các chị em phụ nữ Mông cũng bắt đầu chuyển từ váy áo Mông sang sử dụng quần áo âu phục như người Kinh dẫn đến hiện tượng “Kinh hóa”. Một phần trong số họ thay đổi cách ăn mặc là do tính tiện lợi, phù hợp với tính chất công việc và lối sống hiện tại. Một số khác cảm thấy mặc váy áo dân tộc không hợp thời đại, họ cảm thấy tự ti, xấu hổ khi “không cùng kiểu người” với các bạn cùng trang lứa... Có thể nhận thấy, sự biến đổi của trang phục trong những năm gần đây phần lớn là do yếu tố về nhận thức.

2.3.3. Tính tiện lợi

Trước kia, nếu chăm chỉ mỗi năm người phụ nữ cũng chỉ làm được từ 2 đến 3 bộ váy áo mới. Công việc này thường được làm tranh thủ trong khoảng thời gian nông nhàn nên hầu như thời gian nghỉ ngơi của phụ nữ Mông rất hạn chế. Ngày nay, với việc sử dụng vải công nghiệp vào làm nguyên liệu để may trang phục, người phụ nữ đã có thể giảm bớt các khâu từ làm đất trồng

lanh, làm lạnh, dệt vải. Phụ nữ Mông hiện nay chỉ phải tập trung khâu dệt trang trí, khi cắt may đã có sự hỗ trợ của máy may công nghiệp. Do vậy việc làm trang phục của họ đơn giản và nhanh gọn hơn rất nhiều. Người phụ nữ có thể sử dụng thời gian rảnh rỗi để tập trung làm những công việc khác hoặc giao lưu với xóm làng, tham gia các hoạt động cộng đồng... Chính những điều này làm cho sự biến đổi về nguyên liệu may mặc ngày càng trở nên phổ biến và được đồng bào tiếp nhận như một giá trị văn hoá. Sự thay đổi này là tích cực vì chính sự thay đổi đó giúp cho người phụ nữ có nhiều thời gian hơn cho bản thân và gia đình.

3. Kết luận

Khoảng 2 thập niên trở lại đây, nữ phục Mông xã Tà Xùa đã có những biến đổi rõ rệt từ nguyên liệu, kiểu dáng, cách chế tạo và sử dụng,... có thể nhận thấy biến đổi là một xu thế không thể tránh khỏi trong quá trình đất nước ta đang ngày càng phát triển và hội nhập sâu rộng hiện nay. Tuy nhiên, biến đổi như thế nào để vừa không làm mất đi các giá trị văn hóa truyền thống vừa tạo điều kiện để văn hóa tộc người có cơ hội phát triển ở một tầm cao hơn đòi hỏi phải có những quan điểm hài hòa về biến đổi và văn hóa. Để làm được điều này chúng tôi đề xuất một số giải pháp như:

Thứ nhất là phải lưu giữ được những thợ thủ công giỏi và truyền nghề cho những thế hệ mai sau có thiên hướng phát triển về văn hóa dân tộc (không phải chỉ riêng thế hệ trẻ dân tộc Mông mà kể cả thế hệ trẻ các dân tộc khác hiện đang theo học về văn hóa, mỹ thuật, nhạc cụ truyền thống... tại các trường đại học, các học viện).

Thứ hai là cần tạo ra những bộ trang phục đẹp, đảm bảo về cả chất lượng và hình thức để có thể phát triển mở rộng và đưa ra buôn bán thị trường.

Thứ ba là cần gắn bảo tồn trang phục dân tộc với phát triển du lịch cộng đồng, chẳng hạn thành lập gian trưng bày, nhà trưng bày văn hóa

gồm toàn bộ các sản phẩm văn hóa địa phương trong đây có trang phục, vải, túi, giày, khăn,... được làm từ vải lanh để quảng bá đặc trưng văn hóa mặc của đồng bào tới khách du lịch cũng như lớp thế hệ trẻ hiện nay.

Thứ tư, đề xuất xây dựng mô hình giáo dục thế hệ trẻ thông qua các hoạt động dã ngoại ngoài giờ lên lớp để các em hiểu được giá trị văn hóa dân tộc, từ đó lựa chọn để bảo tồn.

Thực hiện được những điều này, chúng tôi tin rằng nữ phục Mông nói riêng và trang phục truyền thống các dân tộc Việt Nam nói chung vẫn sẽ được bảo tồn và phát triển cùng dòng chảy của dân tộc và thời đại trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chi bộ bản Tà Xùa A, Báo cáo Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2015-2017 phương hướng trọng tâm nhiệm kỳ 2017-2019.
- [2] Diệp Trung Bình (2005), Hoa văn trên vải dân tộc Hmông, Bảo tàng văn hóa các dân tộc Việt Nam. Nxb Văn hoá dân tộc.
- [3] Đặng Thị Oanh (2011), Biểu tượng lanh trong dân ca dân tộc Mông, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Ngô Đức Thịnh (2010), Bảo tồn, làm giàu và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống Việt Nam trong đổi mới và hội nhập, Viện Nghiên cứu Văn hoá. Nxb Khoa học xã hội.
- [5] Trần Hữu Sơn (1996), Văn hoá Hmông. Nxb Văn hoá dân tộc.
- [6] [http://www.hddt.gov.vn/tintuc/213/Ten-goi-cua--dan-toc-Mong-\(-Cu-Hoa-Van\).html](http://www.hddt.gov.vn/tintuc/213/Ten-goi-cua--dan-toc-Mong-(-Cu-Hoa-Van).html). Tên bài viết: Tên gọi dân tộc Mông - Cư Hòa Văn, ngày đọc 24/1/2018

A STUDY ON THE CHANGES OF THE MONG WOMEN'S COSTUMES IN TA XUA AVILLAGE, TA XUA COMMUNE, BAC YEN DISTRICT SON LA PROVINCE

Nguyen Thi Huyen
Tay Bac University

Abstract: Throughout thousands of years of formation and development, the Mong people have created a unique culture imbued with ethnic identity. Over many generations, the Mong culture including Mong's costume has been maintained and promoted. In this article, on the basis of the materials collected from the field trips to Ta Xua A village, Ta Xua commune, Bac Yen district, Son La province, we focus on analysing some changes of costumes for Mong women in terms of the sewing materials, style and current dress usage. By clarifying the causes of the changes, we propose a number of solutions for the preservation and development of the Mong traditional clothes in the trend of integration, urbanization in recent years.

Keywords: Mong people, Mong women's dress, cultural change, Ta Xua, Bac Yen.



Trang phục thường ngày của phụ nữ Hmông Đen ở xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La



Trang phục tham dự đám cưới của phụ nữ Hmông Đen ở xã Tà Xùa, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La

Ngày nhận bài: 5/4/2018. Ngày nhận đăng: 6/7/2018.

Liên lạc: Nguyễn Thị Huyền; Email: nguyenth1990@gmail.com